

# BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG CỦA DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

Trong bảng so sánh này:

- Các phần chữ in đậm: nội dung được sửa đổi, bổ sung so với Điều lệ hiện hành
- Các phần chữ có dấu gạch: nội dung được xóa bỏ so với Điều lệ hiện hành

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
1.	<p><b>Điều 1. Định nghĩa</b></p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần do các cổ đông đã mua các loại và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này.</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>d. "Công ty" là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lấp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.</p> <p>e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.</p> <p>f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán</p> <p>i. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.</p> <p>j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần</p>	<p><b>Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.</p> <p>b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>d. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</p> <p>e. "Công ty" là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lấp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.</p> <p>f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.</p> <p>g. "Người điều hành Công ty" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn hoặc theo các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>h. "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo các quy</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp mới và Điều lệ mẫu theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC (TT116)</p> <p>Bổ sung thêm các thuật ngữ: "Người quản lý doanh nghiệp", "Sở giao dịch chứng khoán"</p>



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>đã phát hành của Công ty. Có đồng được công nhận chính thức sẽ hữu hợp pháp có phần của Công ty sau khi đã trả đủ tiền mua có phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan theo quy định của pháp luật vào Giấy chứng nhận sở hữu có phần của Công ty.</p> <p>k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam</p>	<p><b>ché quản lý nội bộ của Công ty.</b></p> <p>i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, <b>khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.</b></p> <p>j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <b>khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.</b></p> <p>k. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.</p> <p>l. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.</p> <p>m. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>n. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	
2.	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.</p> <p>6. Công ty là công ty con của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Tổng công ty"), có các quyền và nghĩa vụ của một doanh nghiệp thành viên Tổng công ty theo quy định của Tổng công ty và các quy định của pháp luật.</p> <p>Tổng công ty có các quyền, nghĩa vụ của công ty mẹ, cổ đông đối với Công ty theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 5 Điều này để phù hợp với nội dung Điều khoản theo Điều lệ mới, nội dung các Khoản còn lại giữ nguyên như Điều lệ cũ.</p> <p>Bổ sung thêm nội dung Khoản 6 để phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty.</p>
3.		<p><b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật.</b></p>	<p>Bổ sung thêm số lượng Người đại diện PL để phù hợp với Luật DN</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
4.	<p><b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối và chạy thử các công trình dầu khí; Dịch vụ di dời và thu dọn mỏ sau khi kết thúc chu kỳ khai thác ngoài biển; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí;</li> <li>- Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công trình lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng;</li> <li>- Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ cho công tác vận hành, bảo dưỡng, lắp đặt và đấu nối chạy thử; Dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị; Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng;</li> <li>- Mua bán vật tư, phụ tùng; Kinh doanh lắp đặt bảo trì sửa chữa trang thiết bị an toàn, phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khách và dân dụng;</li> <li>- Quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.</li> </ul> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu lợi nhuận tối đa;</li> <li>- Không ngừng nâng cao lợi ích của cổ đông;</li> <li>- Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;</li> <li>- Đóng góp cho ngân sách Nhà nước;</li> <li>- Tham gia đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng, xã hội.</li> </ul>	<p><b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng các công trình công nghiệp dầu khí.</li> </ul> </li> <li>b. Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị mặt bằng, thi công san lấp mặt bằng.</li> </ul> </li> <li>c. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí; Dịch vụ di dời và thu dọn mỏ sau khi kết thúc chu kỳ khai thác ngoài biển; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí; Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; Quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.</li> </ul> </li> <li>d. <b>Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Cho thuê lại lao động</b> (Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng).</li> <li>e. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ cho công tác vận hành, bảo dưỡng, lắp đặt và đấu nối chạy thử.</li> </ul> </li> <li>f. Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.</li> </ul> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua bán vật tư phụ tùng: kinh doanh trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.</li> <li>g. <b>Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị: <b>sửa chữa trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo</b></li> </ul> </li> </ul> </li></ol>	<p>2020</p> <p>Bổ sung thêm nội dung Khoản 1 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh.</p> <p>Sửa đổi nội dung Khoản 2 Điều này để phù hợp với pháp luật và thực tiễn.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p><b>Dự thảo Điều lệ mới</b></p> <p><b>cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.</b></p> <p><b>h. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt, bảo trì trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.</li> <li>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu lợi nhuận, vì lợi ích của cổ đông;</li> <li>- Phát triển Công ty lớn mạnh, bền vững;</li> <li>- Đóng góp cho ngân sách Nhà nước;</li> <li>- Tham gia đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng, xã hội, bảo vệ môi trường.</li> </ul> </li> </ul>	
5.	<p><b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty</b></p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p><b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty</b></p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.</p>	Sửa đổi cho ngắn gọn, theo Điều lệ mẫu TT116
6.	<p><b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được</p>	<p><b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>	Sửa đổi nội dung Khoản 5, 6, 7 của Điều này để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116; nội dung các Khoản còn lại giữ nguyên như Điều lệ cũ



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
7.	<p>bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <del>Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</del></p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. <b>Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</b></p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p><b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật</p>	<p>Sửa đổi Khoản 2, bổ sung chi tiết Khoản 4 để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu TT116; nội dung các Khoản còn lại giữ nguyên như Điều lệ cũ</p>
8.	<p><b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái</p>	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật</p>	<p>Sửa đổi Khoản 1, Khoản 4, Khoản 5 để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116; nội dung các Khoản còn lại giữ nguyên như Điều lệ cũ</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p>	<p>Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	
9.	<p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty,</p>	<p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>i. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>j. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>k. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>l. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>m. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>n. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một</p>	<p>Bổ nội dung Khoản 1; sửa đổi, bổ sung nội dung Khoản 2, 3 để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và bổ sung thêm nội dung về “quyền của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên”</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>số biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>j. Quyền được đối xử công bằng;</p> <p>k. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l. Quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét</p>	<p>phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>p. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>q. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>r. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>s. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>t. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc,</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p><b>d. Kiến nghị văn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</b></p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p><b>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</b></p> <p><b>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p><b>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</b></p>	

TT	<p><b>Nội dung hiện hành</b></p> <p><b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b> Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</li> <li>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</li> </ol> </li> <li>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;</li> <li>4. <del>Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần</del></li> <li>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</li> <li>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Vi phạm pháp luật;</li> <li>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</li> <li>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.</li> </ol> </li> <li>7. <del>Ngoài ra, Cổ đông lớn phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:</del> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. <del>Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</del></li> <li>b. <del>Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</del></li> </ol> </li> </ol>	<p><b>Dự thảo Điều lệ mới</b></p> <p><b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b> Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</li> <li>2. <b>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.</b> Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</li> <li>3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</li> <li>4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</li> <li>5. <b>Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</b></li> <li>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>b. Ủy quyền cho <b>cá nhân, tổ chức</b> khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</li> </ol> </li> </ol>	<p><b>Lý do sửa đổi/bổ sung</b></p> <p>Sửa đổi, bỏ một số nội dung, viết lại cho phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>
10.			

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p>8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
11.	<p><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. <del>Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</del></p>	<p><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông <b>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</b>, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, <b>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết</b>, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <b>ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối</b>, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu</p>	Sửa đổi, bổ sung, viết ngắn gọn lại để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116

Lý do sửa đổi/bổ sung	Dự thảo Điều lệ mới
TT	<p><b>Nội dung hiện hành</b></p> <p>e. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <del>0-Error!</del> <b>Reference source not found.</b> của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm e và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4a Điều 14 này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4b Điều này thì trong</p>
	<p><b>Dự thảo Điều lệ mới</b></p> <p>trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. <b>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</b></p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <b>khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp</b>; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm <b>b khoản 3 Điều này</b> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <b>điểm c và điểm d khoản 3 Điều này</b>;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</b>;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <b>điểm c</b></p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> <p>d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p><b>Khoản 3</b> Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p><b>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</b></p> <p><b>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng, phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; quyết định việc phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật;</p> <p><b>c. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</b></p> <p><b>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</b></p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>g. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu TTT16</p>
12.	<p><b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi loại cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với</p>		



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
TT	<p>loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p> <p>3.- Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Công ty;</p> <p>j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p><b>n. Thông qua quyết định việc Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</b></p> <p><b>o. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;</b></p> <p><b>p. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật khi cần thiết;</b></p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi có đồng đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>đọc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
13.	<p><b>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền</b></p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này</p>	<p><b>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi</p>	<p>Bổ sung nội dung, viết lại cho ngắn gọn theo Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
TT	<p>chỉ được coi là có hiệu lực nếu gây chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 0, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
14.	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần</p>	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. <b>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại sở hữu thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</b></p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung, tách nội dung Khoản 1 thành 2 nội dung; sửa đổi nội dung Khoản 2 để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116; nội dung các Khoản còn lại được giữ nguyên theo Điều lệ cũ</p>

Lý do sửa đổi/bổ sung	Dự thảo Điều lệ mới	Sửa đổi nội dung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020; bổ sung nội dung về việc “đưa kiến nghị vào chương trình họp ĐHCĐ” theo Điều lệ mẫu TT116
	<p><b>Nội dung hiện hành</b></p> <p>ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</p>	<p><b>Dự thảo Điều lệ mới</b></p> <p>trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.</p>
TT	<p><b>Nội dung hiện hành</b></p> <p>ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p>
15.		<p><b>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không được lập Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tới thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một các hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. <del>Mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp;</del></p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp</p>	<p>dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc. Kiến nghị phải</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần có đồng đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 3 của Onày trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại <b>Khoản 4 Điều này</b> nêu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến <b>không đúng quy định tại khoản 4 Điều này</b>;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại <b>khoản 2 Điều 12 Điều lệ này</b>;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại <b>khoản 4 Điều này</b> vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại <b>khoản 5 Điều này</b>; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	Sửa đổi, viết lại để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu TT116
16.	<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do</p>	<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì <b>thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày</b>, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	<p>tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì <b>thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày</b> kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	
17.	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do</p>	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác]. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật và nội dung Điều lệ mẫu TT116</p>



Lý do sửa đổi/bổ sung	Dự thảo Điều lệ mới	TT
	<p>đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho có đồng đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người</p>	<p>Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì trường Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự</p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>hợp đề:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>dự họp.</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tới đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
18.	<p><b>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua báo cáo tài chính năm;</li> <li>Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</li> <li>Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Giám đốc.</li> <li>Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</li> <li>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến</li> </ol>	<p><b>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</li> <li>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</li> <li>Tổ chức lại, giải thể Công ty;</li> </ol> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chỉ nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty</p>	
19.	<p><b>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này;</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p><b>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung viết lại cho ngắn gọn theo Điều lệ mẫu TT116, cập nhật nội dung theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Lý do sửa đổi/bổ sung	Dự thảo Điều lệ mới	Nội dung hiện hành	TT
	<p>nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các thông tin do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười tám (15) ngày, kể từ ngày kết thúc việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin tài trợ của Công ty, kèm theo thời gian hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến có đồng bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không hợp lệ, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung, sửa đổi và bổ nội dung Khoản 3, 4 để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>
TT		<p><b>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không hợp lệ, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.</p> <p>4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p><b>nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</b></p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. <b>Nghị quyết</b>, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, <b>tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có)</b> và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp <b>phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</b> và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ mẫu TT116</p>
21.	<p><b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;</p>	<p><b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <b>cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <b>khoản 3 Điều 21</b> Điều lệ này.</p>	



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
22.	<p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tố chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tới thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. <del>Trình độ học vấn;</del></p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. <del>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty; trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</del></p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu</p>	<p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên như quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo nội dung Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>quyết đề đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Có đồng hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó; g. Các thông tin khác; h. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy chế nội bộ quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
23.	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <b>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng</b></p>	<p>Sửa đổi nội dung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:  Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:  Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu số lượng thành viên không điều hành theo quy định pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 160 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b. Khi bị kết án theo quy định pháp luật hình sự.</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
24.	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua ;</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần</p>	<p>cổ đông của Công ty.</p> <p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. <b>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</b></p> <p>c. <b>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</b></p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e. <b>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>f. <b>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong tầm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</b></p> <p>g. <b>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</b></p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12</p>	<p>Gộp nội dung Khoản 2,3 và viết lại cho ngắn gọn theo Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc hoặc vượt kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần</p>	<p><b>Đợt thảo Điều lệ mới</b></p> <p><b>năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</b></p> <p>i. Bào, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng chức năng và người quản lý quan trọng khác theo đề nghị của Giám đốc;</p> <p>j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý <b>lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</b></p> <p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p><b>p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị. Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</b></p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>1. Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
25.	<p><b>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	<p><b>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung thêm nội dung để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
TT	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiêu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.</p>	<p>chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiêu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	Sửa đổi, bổ sung nội dung; góp nội dung khoản 2,3 và viết lại cho ngắn gọn để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116
26.	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc</p>	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</p>	
27.	<p><b>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của</p>	<p><b>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm</p>	Sửa đổi, bổ sung, viết ngắn gọn lại; tách nội dung



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>a. Ban kiểm soát;</p> <p>b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. <b>Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>4. <b>Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</b></p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp <b>chậm nhất là 03 ngày</b> làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu</p>	<p>Khoản 3 thành 2 khoản; bổ nội dung các khoản 6, 7, 11, 12, 15 theo Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản; việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p>	<p>biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</li> <li>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</li> </ol> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>11. Điều quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội</p>	<p><b>Dự thảo Điều lệ mới</b></p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
TT	<p>đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có</p>		

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p><b>Điều 31. Các tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn ban thực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu chuẩn và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu chuẩn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu chuẩn phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu chuẩn.</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với nội dung Điều lệ mẫu TT116</p>
28.	<p><b>Điều 31. Các tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn ban thực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề về số lượng thành viên của tiêu chuẩn; tỷ lệ các thành viên độc lập của Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của tiêu chuẩn và việc bổ nhiệm Trưởng tiêu chuẩn. Hoạt động của tiêu chuẩn phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu chuẩn là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu chuẩn ban thực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiêu chuẩn Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p><b>Điều 31. Các tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn ban thực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu chuẩn và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu chuẩn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu chuẩn phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu chuẩn.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu chuẩn ban thực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020; viết ngắn gọn lại theo nội dung Điều lệ</p>
29.	<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p>	<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020; viết ngắn gọn lại theo nội dung Điều lệ</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
2.	<p>Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p><del>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</del></p>	<p><b>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</b></p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p><b>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</b></p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>mẫu TT116. Bổ sung thêm nội dung “Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan” đối với quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.</p>
4.	<p>Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>		

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
30.	<p><b>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</b>            Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị</p>	<p><b>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</b>            Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p>	Bổ số lượng Giám đốc, Kế toán trưởng theo nội dung Điều lệ mẫu TT116
31.	<p><b>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</b>            2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.</p>	<p><b>Điều 34. Người điều hành Công ty</b>            2. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.            3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	Tách nội dung Khoản 2 thành 2 Khoản, Bổ sung thêm nội dung để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116, nội dung Khoản còn lại vẫn giữ nguyên theo Điều lệ cũ
32.	<p><b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</b>            1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.            2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và</p>	<p><b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</b>            1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.            2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.            3. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.            4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	Viết lại cho ngắn gọn Khoản 1 để không trùng với nội dung ở điều 34 Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung Điều lệ mẫu TT116

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>Điều lệ công ty.</p> <p>3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e. Tuyên dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với các lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</p> <p>f. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>h. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế</p>	<p><b>Dự thảo Điều lệ mới</b></p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e. <b>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</b></p> <p>f. <b>Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</b></p> <p>g. Tuyên dụng lao động;</p> <p>h. <b>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</b></p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bỏ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p>	



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p> <p>4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bỏ nhiệm Giám đốc mới thay thế</p>		
33.	<p><b>Điều 36. Thư ký Công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.</p> <p>2. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</p>		<p>Bổ nội dung này vì đã quy định tại Điều 32 để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>
34.	<p><b>Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b></p>	<p><b>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b></p>	<p>Bổ sung, sửa đổi</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử</p>	<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và <b>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát</b>. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng <b>trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật</b></p>	<p>Khoản 2 Điều này đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu TT116, nội dung Khoản còn lại vẫn giữ nguyên như Điều lệ cũ</p>
35.	<p><b>Điều 38. Kiểm soát viên.</b></p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p><del>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</del></p> <p><del>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</del></p> <p><del>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</del></p> <p><del>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</del></p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p><b>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</b></p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>Điều 169 Luật Doanh nghiệp</b> và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ</p>	<p>Sửa đổi đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020</p>

TT	<p><b>Nội dung hiện hành</b></p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;  b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;  c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;  d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.  5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:  a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;  b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;  c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ</p>	<p><b>Dự thảo Điều lệ mới</b></p> <p>của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;  d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Lý do sửa đổi/bổ sung</p> <p>Bổ sung thêm nội dung theo Điều lệ mẫu TT116</p>
36.	<p><b>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.  2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:  a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;  b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đề báo cáo Ban kiểm soát;  c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>		

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
37.	<p><b>Điều 39. Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải báo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp</p>	<p><b>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại <b>Điều 170 Luật Doanh nghiệp</b> và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khác phục hậu quả.</p> <p>6. <b>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</b></p> <p>7. <b>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</b></p> <p>8. <b>Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</b></p> <p>9. <b>Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác</b></p>	<p>Bổ sung thêm nội dung về quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát; cuộc họp của Ban kiểm soát và tiền lương, thù lao, lợi ích khác của Kiểm soát viên đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Tách nội dung Điều 39 thành Điều 39, 40, 41 theo Điều lệ mẫu TT116</p>

Lý do sửa đổi/bổ sung	
<p><b>Dự thảo Điều lệ mới</b></p> <p><b>cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</b></p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p><b>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p><b>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên</b></p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát</p>	<p><b>Nội dung hiện hành</b></p> <p>của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>
TT	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
38.	<p><b>Điều 40. Trách nhiệm cân trọng</b> Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cân trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p> <p><b>Điều 42. Trách nhiệm cân trọng</b> Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty</p>	Viết ngắn gọn lại theo nội dung Điều lệ mẫu TT116
39.	<p><b>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. 4. Trụ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc,</p>	<p><b>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó hoặc quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về</p>	Sửa đổi, viết ngắn gọn lại để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu TT116

Lý do sửa đổi/bổ sung	
<p><b>TT</b></p>	<p><b>Nội dung hiện hành</b></p> <p>người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính từ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị <b>nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%)</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị <b>lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%)</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>
<p><b>Dự thảo Điều lệ mới</b></p>	<p><b>các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</b></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị <b>nhỏ hơn 35%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị <b>lớn hơn hoặc bằng 35%</b> hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
c.	<p>Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	
40.	<p><b>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ của mình với thực và cân trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ bị xử phạt hành chính và không được quyền tiếp tục công việc của mình.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cân trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường</p>	<p><b>Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cân trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền của Công ty, theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên</p>	<p>Viết lại, bỏ nội dung cho phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
41.	<p>khí trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cân trọng, mãn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p> <p><b>Điều 43. Quyên điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p><b>Điều 45. Quyên điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông</p>	<p>Chi tiết về quyền tra cứu sổ sách, hồ sơ; tách nội dung Khoản 1 thành 2 Khoản; các nội dung Khoản khác của Điều lệ này đều được giữ nguyên theo Điều lệ cũ để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
42.	<p><b>Điều 44. Công nhân viên và công đoàn</b></p> <p>1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 của điều này.</p>	<p>mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này</p> <p><b>Điều 46. Công nhân viên và công đoàn</b></p>	<p>Bổ nội dung Khoản 1, 2; các nội dung còn lại giữ nguyên theo Điều lệ cũ để phù hợp với TT116</p>
43.	<p><b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, Qũy Dự Trữ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b></p>	<p><b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b></p>	
44.	<p><b>Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý</b></p> <p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế</p>	<p><b>Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý</b></p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>Sửa đổi, viết ngắn gọn lại cho phù hợp với Điều lệ mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>		
45.	<p><b>Điều 51. Kiểm toán</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p><b>Điều 53. Kiểm toán</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</p>	<p>Bổ một số nội dung theo Điều lệ mẫu TT116</p>
46.	<p><b>Điều 52. Con dấu</b></p>	<p><b>Điều 54. Con dấu</b></p>	<p>Sửa đổi để phù</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>hợp với nội dung Điều lệ mẫu TT116 và quy định của pháp luật</p>
47.	<p><b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b></p> <p><b>Điều 53. Chấm dứt hoạt động</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. <del>Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã</del> <del>gia hạn;</del></p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p> <p><b>Điều 54. Gia hạn hoạt động</b></p> <p>1. <del>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để có</del> <del>đồng có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty</del> <del>theo đề nghị của Hội đồng quản trị;</del></p> <p>2. <del>Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên</del> <del>tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có</del> <del> mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt</del> <del>tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</del></p>	<p><b>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY</b></p> <p><b>Điều 55. Giải thể công ty</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. <b>Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ</b> <b>đồng;</b></p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116.</p> <p>Bổ nội dung Điều 54 vì đã đề cập thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn tại Điều 2</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Điều lệ mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
48.	<p><b>Điều 58. Ngày hiệu lực</b></p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</li> <li>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố</li> <li>c. Bốn (04) bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty</li> </ul>	<p><b>Điều 59. Ngày hiệu lực</b></p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 2 điều này để phù hợp với Điều lệ mẫu TT116, nội dung các Khoản còn lại vẫn giữ nguyên theo Điều lệ cũ</p>

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG CỦA DỰ THẢO QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH**

Trong bảng so sánh này:

- Các **phần chữ in đậm**: nội dung được sửa đổi so với Quy chế QTNB hiện hành
- Các **phần chữ gạch chân**: nội dung được bổ sung so với Quy chế QTNB hiện hành
- Các **phần chữ có dấu gạch**: nội dung được xóa bỏ so với Quy chế QTNB hiện hành

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
1.	<p><b>Căn cứ pháp lý:</b>                      Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành                      Luật Doanh nghiệp;                      Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;                      Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;                      Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ..... ngày .....</p>	<p><b>Căn cứ pháp lý:</b>                      Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;                      Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;                      Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;                      Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;                      Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;                      Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng... năm...                      Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC                      Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm các nội dung sau:</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với các văn bản pháp luật đã được thay đổi.</p>
2.	<p><b>Chương I. Quy định chung</b>  <b>Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng</b>                      1. Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (sau đây gọi là Quy chế)</p>	<p><b>Chương I. Quy định chung</b>  <b>Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng</b>                      1. Quy chế Quản trị nội bộ Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (sau đây gọi là “Quy</p>	<p>Sửa đổi lại nội dung cho phù hợp thực tế.</p>

Lý do sửa đổi/bổ sung	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Nội dung hiện hành	TT
	<p><b>Dự thảo Quy chế QTNB mới</b></p> <p>ché”) được xây dựng nhằm đảm bảo cho hoạt động quản lý, điều hành và kiểm soát Công ty tuân thủ theo những nguyên tắc luật định về quản trị, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông và Công ty.</p> <p>2. Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>3. Quy chế này áp dụng cho Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan</p>	<p>định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/06/2017 hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lấp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình đầu khí biển PTSC.</p> <p>2. Quy chế này quy định chi tiết thủ tục, trình tự và biểu mẫu thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác Quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, thiết lập mối liên hệ trong hoạt động giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lấp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình đầu khí biển PTSC.</p> <p>3. Quy chế này áp dụng trong phạm vi toàn Công ty Cổ phần Dịch vụ Lấp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình đầu khí biển PTSC.</p> <p>4. Quy chế này áp dụng đối với Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lấp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình đầu khí biển PTSC.</p> <p>5. Các vấn đề không được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ khác của Công ty. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo thiết lập hệ thống các quy định nội bộ khác để quản trị an toàn, hiệu quả Công ty và phù hợp quy định hiện hành.</p>	
<p>Bổ một số nội dung vì đã quy định chi tiết hơn trong Quy chế</p>	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>- “<b>Công ty</b>” là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lấp đặt,</p>	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>- “<b>Công ty</b>” là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lấp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình đầu khí biển PTSC.</p>	<p>3.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p><b>Nội dung hiện hành</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCD)” là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty và sẽ không bị giới hạn hoặc bị ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo điều lệ Công ty và thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty.</li> <li>- “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty. Cổ đông được công nhận chính thức sở hữu hợp pháp cổ phần của Công ty sau khi đã trả đủ tiền mua cổ phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan theo quy định của pháp luật vào Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.</li> <li>- “Hội đồng quản trị (HĐQT)” là cơ quan quản lý Công ty gồm các Thành viên được bầu bởi ĐHĐCD, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCD, điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ đông.</li> <li>- “Ban Kiểm soát (BKS)” là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát việc quản lý và điều hành Công ty gồm các Thành viên được bầu bởi ĐHĐCD.</li> <li>— “KSV” là Kiểm soát viên.</li> <li>- “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại Khoản 18 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</li> <li>- “VSD” là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.</li> </ul> <p>Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>	<p><b>Dự thảo Quy chế QTNB mới</b></p> <p>Văn hành và Báo dương Công trình dầu khí biển PTSC.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “ĐHĐCD” là Đại hội đồng cổ đông Công ty.</li> <li>- “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty.</li> <li>- “BKS” là Ban kiểm soát Công ty.</li> <li>- “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại Khoản 18 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</li> <li>- “VSD” là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.</li> </ul> <p>Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung theo Quy chế mẫu TT116</p>
4.	<p><b>CHƯƠNG II. CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p>	<p><b>CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p><b>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. ĐHĐCD là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty không bị giới hạn hoặc bị ảnh hưởng bởi các</p>	



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
5.	<p><b>Điều 3. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên</b></p> <p>1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một (01) lần và không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Theo quyết định của HĐQT, Công ty có thể gia hạn thời gian tổ chức quy định tại khoản 2 điều này nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc gia hạn này chỉ có hiệu lực khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.</p> <p><b>Điều 4. Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường</b></p> <p>Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường có thể được triệu tập trong các trường hợp theo quy định tại Điều 14.3, Điều lệ Công ty.</p>	<p><b>Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. <b>Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:</b>  Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ.</p> <p>2. Lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</p> <p>a. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện lập danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Việc lập danh sách phải được tiến hành theo thủ tục được quy định bởi VSD.</p> <p>b. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ căn cứ trên dữ liệu Cổ đông của Công ty do VSD cung cấp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập <b>không</b> quá mười (10) ngày trước ngày gửi <b>thông báo</b> mời họp ĐHĐCĐ trừ trường hợp khác theo quyết định của HĐQT đảm bảo thời gian phù hợp với kế hoạch tổ chức cuộc ĐHĐCĐ</p>	<p>Gộp nội dung Điều 3, 4, 5 trong Quy chế cũ thành Điều 4 trong Quy chế mới.</p> <p>Bổ sung thêm một số nội dung theo Quy chế mẫu TT116.</p> <p>Sửa đổi một số nội dung về mốc thời gian để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>đảm bảo thời gian phù hợp với kế hoạch tổ chức cuộc họp tạo thuận lợi để các Cổ đông tham gia.</p> <p>c. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông trừ trường hợp biểu mẫu khác do VSD quy định.</p> <p>d. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các Cổ đông theo các hình thức sau:</p> <p>a. Thông qua các Công ty Chứng khoán (Thành viên lưu ký) nơi Cổ đông mở tài khoản và gửi chứng khoán đối với Cổ đông đã lưu ký chứng khoán theo quy định.</p> <p>b. Trực tiếp gửi thư đến địa chỉ Cổ đông đã đăng ký đối với Cổ đông chưa lưu ký ngoài các Cổ đông quy định tại khoản a Khoản này.</p> <p>c. Đăng thông tin trên phương tiện công bố:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết cổ phiếu của Công ty;</li> <li>- Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;</li> <li>- Tờ báo trung ương hoặc địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính ít nhất là 02 (hai) số báo phát hành liên tiếp.</li> </ul> <p>d. Trong mọi trường hợp ảnh hưởng đến việc gửi, nhận thông báo mời họp và các thông tin liên quan đến cuộc họp, Thông tin đăng tải trên Trang thông tin (website) của</p>	<p>hợp tạo thuận lợi để các Cổ đông tham gia.</p> <p>c. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông trừ trường hợp biểu mẫu khác do VSD quy định.</p> <p>d. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:</p> <p>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>4. Thông báo họp ĐHĐCĐ:</p> <p>a. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch.</p> <p>b. Trong mọi trường hợp ảnh hưởng đến việc gửi, nhận thông báo mời họp và các thông tin liên quan đến cuộc họp, Thông tin đăng tải trên Trang thông tin (website) của Công ty được xem là có thể thay thế hợp lệ cho các phương thức gửi, nhận quy định</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>Công ty được xem là có thể thay thế hợp lệ cho các phương thức gửi, nhận quy định tại điểm a, b khoản này.</p> <p>3. Thông báo họp ĐHĐCĐ (Biểu mẫu 01) phải được gửi <b>ít nhất mười lăm (15) ngày</b> trước ngày diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ kèm theo Chương trình họp ĐHĐCĐ và phải bao gồm đầy đủ các thông tin, tài liệu để hướng dẫn Cổ đông cách thức tham dự cuộc họp. Các thông tin bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên và địa chỉ Công ty;</li> <li>- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</li> <li>- Thời gian và địa điểm họp;</li> <li>- Tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông;</li> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng;</li> <li>- Chương trình nghị sự;</li> <li>- <del>Mẫu Giấy-ủy-quyền-tham-dự và biểu-quyết-như-Biểu mẫu-02;</del></li> <li>- Thông tin về thời gian và địa điểm mà Cổ đông có thể nhận được tài liệu họp;</li> <li>- Thủ tục để nhận các thông tin cơ bản;</li> <li>- Thời gian bắt đầu đăng ký dự họp;</li> <li>- Địa điểm đăng ký dự họp;</li> <li>- Người được Công ty cử ra để tiếp nhận các thông báo của Cổ đông.</li> </ul> <p>4. Đề nghị bổ sung nội dung vào chương trình cuộc họp <b>Theo Khoản 2 Điều 138 của Luật doanh nghiệp, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ.</b> Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến địa chỉ tiếp nhận đã được Công ty công bố chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Văn bản kiến nghị như <b>Biểu mẫu 03.</b></p> <p>5. Đăng ký và tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ</p>	<p>tại điểm a khoản này.</p> <p>c. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi <u>đến tất cả các cổ đông</u> trong Danh sách cổ đông có <u>quyền dự họp chậm nhất 21 ngày</u> trước ngày <u>khai mạc cuộc họp</u> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ) kèm theo Chương trình họp ĐHĐCĐ và phải bao gồm đầy đủ các thông tin, tài liệu để hướng dẫn Cổ đông cách thức tham dự cuộc họp. Các thông tin bao gồm các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên và địa chỉ Công ty;</li> <li>- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</li> <li>- Thời gian và địa điểm họp;</li> <li>- Tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông;</li> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng;</li> <li>- Chương trình nghị sự;</li> <li>- Thông tin về thời gian và địa điểm mà Cổ đông có thể nhận được tài liệu họp;</li> <li>- Thủ tục để nhận các thông tin cơ bản;</li> <li>- Thời gian bắt đầu đăng ký dự họp;</li> <li>- Địa điểm đăng ký dự họp;</li> <li>- Người được Công ty cử ra để tiếp nhận các thông báo của Cổ đông.</li> </ul> <p>5. <u>Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:</u></p> <p>a. <u>Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, thông báo mời họp,...</u> theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Đề nghị bổ sung nội dung vào chương trình cuộc họp:</p> <p><b>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại</b></p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>Có đồng đăng ký tham dự cuộc họp theo các hình thức sau:</p> <p>a. Trường hợp Có đồng, người được ủy quyền của Có đồng tham gia họp và biểu quyết trực tiếp: Đăng ký tại địa điểm họp theo thời gian ấn định trong chương trình đã công bố.</p> <p><del>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHQĐ được thực hiện theo mẫu quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy chế này.</del></p> <p>Người được ủy quyền dự họp ĐHQĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>b. Trường hợp Có đồng không trực tiếp tham dự họp và gửi phiếu biểu quyết: Ban tổ chức thực hiện việc đăng ký vào danh sách tham dự sau khi kiểm tra, xác thực các thông tin, tài liệu nhận được. Việc đăng ký tham dự cuộc họp trước thời điểm tiến hành biểu quyết theo chương trình cuộc họp đã công bố.</p> <p>6. <del>Có đồng được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHQĐ trong trường hợp sau đây:</del></p> <p>a. <del>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</del></p> <p>b. <del>Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</del></p> <p>c. <del>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy chế cuộc họp;</del></p> <p>d. <del>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</del></p> <p>7. Biểu quyết:</p> <p>a. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHQĐ được quy định chi tiết tại Quy chế làm việc và Thê lệ biểu quyết tại Đại hội có đồng.</p> <p>b. ĐHQĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào Phiếu biểu quyết do Công ty phát</p>	<p><b>Dự thảo Quy chế QTNB mới</b></p> <p><b>Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng có đồng.</b> Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến địa chỉ tiếp nhận đã được Công ty công bố chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Văn bản kiến nghị như <b>Biểu mẫu 01</b>.</p> <p>6. <u>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHQĐ:</u></p> <p>Có đồng, người đại diện theo ủy quyền của có đồng là <u>tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.</u></p> <p>7. <u>Cách thức</u> đăng ký tham dự ĐHQĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký tham dự cuộc họp theo các hình thức sau:</p> <p>a. Trường hợp Có đồng, người được ủy quyền của Có đồng tham gia họp và biểu quyết trực tiếp: Đăng ký tại địa điểm họp theo thời gian ấn định trong chương trình đã công bố.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp ĐHQĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>b. Trường hợp Có đồng không trực tiếp tham dự họp và gửi phiếu biểu quyết: Ban tổ chức thực hiện việc đăng ký vào danh sách tham dự sau khi kiểm tra, xác thực các thông tin, tài liệu nhận được. Việc đăng ký tham dự cuộc họp trước thời điểm tiến hành biểu quyết theo chương trình cuộc họp đã công bố.</p> <p>6. <del>Có đồng được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHQĐ trong trường hợp sau đây:</del></p> <p>a. <del>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</del></p> <p>b. <del>Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</del></p> <p>c. <del>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy chế cuộc họp;</del></p> <p>d. <del>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</del></p> <p>7. Biểu quyết:</p> <p>a. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHQĐ được quy định chi tiết tại Quy chế làm việc và Thê lệ biểu quyết tại Đại hội có đồng.</p> <p>b. ĐHQĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào Phiếu biểu quyết do Công ty phát</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>hành như Biểu mẫu-04.</p> <p>8. Kiểm phiếu</p> <p>a. Ban kiểm phiếu cuộc họp: Tùy vào số lượng nội dung biểu quyết theo chương trình cuộc họp, ĐHĐCĐ sẽ thông qua số lượng và danh sách <b>những người chịu trách nhiệm thực hiện kiểm phiếu</b> hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu.</p> <p>b. Việc kiểm phiếu chỉ được bắt đầu sau khi có tuyên bố của chủ tọa cuộc họp và đã thu hết phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự có quyền biểu quyết.</p> <p>9. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>Biên bản kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp. <del>Biên bản kiểm phiếu như Biểu mẫu-05.</del></p> <p>10. Biên bản họp ĐHĐCĐ</p> <p>a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo yêu cầu của Điều lệ như <del>Biểu mẫu-06.</del></p> <p>b. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>c. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải hoàn tất và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>d. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>9. <u>Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</u></p> <p><u>ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p>10. <u>Cách thức bỏ phiếu, biểu quyết:</u></p> <p>a. <u>Cách thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty và quy định chi tiết tại Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết tại Đại hội cổ đông.</u></p> <p>b. <u>ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào Phiếu biểu quyết do Công ty phát hành. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, bầu nhân sự HĐQT, BKS, người dự họp thực hiện theo trình tự được điều hành bởi chủ tọa. Ban kiểm phiếu.</u></p> <p>11. <u>Cách thức kiểm phiếu</u></p> <p>a. Ban kiểm phiếu cuộc họp: Tùy vào số lượng nội dung biểu quyết theo chương trình cuộc họp, ĐHĐCĐ sẽ thông qua số lượng và danh sách <b>nhân sự Ban kiểm phiếu và/hoặc</b> những người chịu trách nhiệm giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu.</p> <p>b. Việc kiểm phiếu chỉ được bắt đầu sau khi có tuyên bố của Chủ tọa cuộc họp và đã thu hết phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự có quyền biểu quyết.</p> <p>12. <u>Điều kiện để nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua</u></p> <p><u>Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo các điều kiện được quy định tại 21 Điều lệ Công ty.</u></p> <p>13. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
TT	<p>e. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>11. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải thể hiện đầy đủ từ nội dung đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và phải được trình bày toàn văn tại cuộc họp <del>như</del> <b>Biểu mẫu 07</b>.</p> <p>12. Công bố thông tin kết quả cuộc họp ĐHĐCĐ Kết quả cùng với Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp trên các phương tiện công bố theo quy định của pháp luật chứng khoán đối với Công ty đại chúng niêm yết.</p> <p>Việc công bố thông tin theo quy định của Điều này được hiểu là Công ty đã gửi Biên bản cuộc họp và Nghị quyết đến tất cả các Cổ đông theo quy định hiện hành.</p>	<p>Biên bản kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Nội dung kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.</p> <p>14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ <u>Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán. Lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</u></p> <p>15. Biên bản họp ĐHĐCĐ</p> <p>a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo yêu cầu của Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>c. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải hoàn tất và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>d. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>e. <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</u></p> <p>f. <u>Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có), nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p> <p>13. <u>Nghị quyết ĐHĐCĐ</u></p> <p><u>Nghị quyết ĐHĐCĐ phải thể hiện đầy đủ từ nội dung đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và phải được trình bày toàn văn tại cuộc họp.</u></p> <p>14. <u>Công bố thông tin kết quả cuộc họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ</u></p> <p><u>Kết quả cùng với Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp trên các phương tiện công bố theo quy định của pháp luật chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.</u></p> <p><u>Việc công bố thông tin theo quy định của Điều này được hiểu là Công ty đã gửi Biên bản cuộc họp và Nghị quyết đến tất cả các Cổ đông theo quy định hiện hành.</u></p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
6.	<p><b>Điều 6. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b></p> <p>1. HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của ĐHQĐ bắt cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>a. Trình tự lập danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết thông qua Nghị quyết bằng hình thức quy định tại Điều này áp dụng tương tự việc lập danh sách Cổ đông tham dự cuộc họp ĐHQĐ.</p> <p>b. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của ĐHQĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết (nếu có). Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>c. Nội dung và hình thức của Phiếu lấy ý kiến phải tuân thủ Khoản 3, Điều 22, Điều lệ Công ty như Điều mẫu 08.</p> <p>2. Trả lời Phiếu lấy ý kiến:</p> <p>a. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến phải được mở trước trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</li> <li>- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử đến địa chỉ chính thức được chỉ định tiếp nhận của Công ty công bố.</li> <li>b. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong</li> </ul>	<p><b>Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHQĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHQĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>a. Trình tự lập danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết thông qua Nghị quyết bằng hình thức quy định tại Điều này áp dụng tương tự việc lập danh sách Cổ đông tham dự cuộc họp ĐHQĐ như Khoản 2 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>b. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHQĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết (nếu có). Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo việc gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi <b>chậm nhất mười (10) ngày</b> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>c. Nội dung của Phiếu lấy ý kiến phải tuân thủ Khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trả lời Phiếu lấy ý kiến:</p> <p>a. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức và được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến phải được dựng trong</li> </ul>	<p>Sửa đổi, bổ sung thêm nội dung để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, cũng như làm rõ thêm một số nội dung.</p>



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là <b>không hợp lệ</b>.</p> <p>c. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>d. <b>Thư ký HĐQT</b> chịu trách nhiệm tiếp nhận và bảo mật thông tin Phiếu biểu quyết theo quy định hiện hành.</p> <p>3. Kiểm phiếu biểu quyết:</p> <p>a. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>b. <del>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung và hình thức như sau:</del> <b>Biểu mẫu 09.</b></p> <p>c. Người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>4. Công bố kết quả kiểm phiếu:</p> <p><b>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm hoàn thành việc kiểm phiếu trả lời cuối cùng. Cách thức công bố áp dụng theo quy định như trường hợp Công bố kết quả cuộc họp trực tiếp.</b></p> <p>5. Hiệu lực: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ.</p> <p>6. Lưu trữ tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử đến địa chỉ chính thức được chỉ định tiếp nhận do Công ty công bố.</p> <p>b. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.</p> <p>c. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>d. <b>Công ty</b> chịu trách nhiệm tiếp nhận và bảo mật thông tin Phiếu biểu quyết theo quy định hiện hành.</p> <p>3. Kiểm phiếu biểu quyết:</p> <p>a. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>b. <b>Các thành viên HĐQT</b>, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>4. Công bố kết quả kiểm phiếu:</p> <p><b>Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. Cách thức công bố áp dụng như trường hợp công bố kết quả cuộc họp</b></p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>trực tiếp theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>5. Hiệu lực: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cố đồng bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHDCD.</p> <p>6. Lưu trữ tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
7.	<p><b>Điều 7. Cách thức phản đối Nghị quyết của ĐHDCD</b></p> <p>1. Cố đồng biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cố đồng quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản như Điều mẫu 10 phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHDCD thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>2. Việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cố đồng quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Khoản 6, Điều 6, Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để Cố đồng lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>		<p>Bổ nội dung này vì đã được đề cập đến tại Khoản 14 Điều 4 Quy chế mới</p>
8.	<p><b>Chương III. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát</b></p>	<p><b>Chương III. Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung theo Quy chế QTNB mẫu TT116</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT</p> <p><u>HDQT có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định liên quan khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p> <p>3. <u>Trách nhiệm của Thành viên HĐQT</u></p> <p><u>Thành viên HĐQT có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.</u></p> <p><b>Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT</b></p> <p><u>Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u></p>	
9.	<p><b>Điều 8. Tiêu chuẩn của thành viên HDQT, KSV</b></p> <p>1. Thành viên HDQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>2. KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p><b>Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện và cơ cấu của thành viên HDQT</b></p> <p>1. Thành viên HDQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Cơ cấu HDQT phải đảm bảo tối thiểu số lượng thành viên không điều hành theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung nội dung theo Quy chế QTNB mẫu TT116 và sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020</p>
10.	<p><b>Điều 9. Đề cử ứng viên để bầu</b></p> <p>1. Ứng viên do Cổ đông đề cử</p> <p>a. Các Cổ đông nắm giữ có phần số quyền biểu quyết trong thời hạn hiện tại ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm lập danh sách Cổ đông thực hiện quyền, có quyền tự mình hoặc gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau đến mức đủ để đề cử ứng viên bầu làm Thành viên HDQT, KSV. Số lượng đề cử được giới thiệu tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu đủ điều kiện giới thiệu được quy định tại Khoản 2, Điều</p>	<p><b>Điều 9. Đề cử, ứng cử, giới thiệu thành viên HDQT</b></p> <p>1. Ứng viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, giới thiệu</p> <p>a. <b>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên như quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền đề cử, giới thiệu ứng viên bầu làm Thành viên HDQT.</b> Số lượng ứng viên đề cử theo quy định tại Khoản 1, Điều 25, Điều lệ Công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>25. Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Bảo lưu quyền đề cử</p> <p>— Căn cứ trên số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT, KSV đương nhiệm và vị trí khuyết cần bầu bổ sung, quyền đề cử ứng viên được phân bổ theo nguyên tắc ưu tiên cho Chủ tịch, nhóm Chủ tịch có đủ điều kiện nhưng chưa giới thiệu ứng viên tương ứng đương nhiệm hoặc đã giới thiệu nhưng chưa thực hiện hết quyền của mình.</p> <p>— Đối với Chủ tịch có đủ điều kiện đề cử đã giới thiệu đủ số ứng viên và đã trúng cử đương nhiệm, quyền đề cử chỉ được thực hiện như Chủ tịch quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 14 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Hồ sơ đề cử</p> <p>- Văn bản đề cử ứng viên của Chủ tịch gửi đến Công ty như <b>Biểu mẫu 11</b>;</p> <p>- Lý lịch (CV) ứng viên như <b>Biểu mẫu 12</b>;</p> <p>- Giấy tờ <b>nhân thân</b> chứng thực hợp lệ của ứng viên, của Chủ tịch giới thiệu theo quy định.</p> <p>d. Cách thức gửi Hồ sơ giới thiệu ứng viên: Hồ sơ giới thiệu ứng viên gửi đến trụ sở Công ty trực tiếp, theo đường bưu điện hoặc địa chỉ email, fax được chính thức đã công bố. Việc gửi hồ sơ phải đảm bảo về thời gian theo các quy định hiện hành.</p> <p>2. Ứng viên do HĐQT, BKS đề cử</p> <p>Trường hợp ứng viên HĐQT, BKS thông qua đề cử quy định tại Khoản 1 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT, BKS đương nhiệm tổ chức đề cử thêm ứng viên theo trình tự như sau:</p> <p>a. Căn cứ danh sách nhân sự đã được quy hoạch đang có hiệu lực, HĐQT, BKS thực hiện lựa chọn nhân sự đủ điều kiện và phù hợp với nhiệm vụ vị trí Thành viên HĐQT, KSV dự kiến được phân công theo hình thức bổ phiếu. Kết quả bổ phiếu được xác định như sau:</p>	<p>b. Hồ sơ ứng viên đề cử</p> <p>- Văn bản đề cử ứng viên của Chủ tịch hoặc nhóm Chủ tịch gửi đến Công ty như <b>Biểu mẫu 02</b>;</p> <p>- Lý lịch (CV) ứng viên như <b>Biểu mẫu 03</b>;</p> <p>- Giấy tờ <b>pháp lý</b> chứng thực hợp lệ của ứng viên, của Chủ tịch hoặc nhóm Chủ tịch giới thiệu theo quy định.</p> <p>c. Cách thức gửi Hồ sơ giới thiệu ứng viên: Hồ sơ giới thiệu ứng viên gửi đến trụ sở Công ty trực tiếp, theo đường bưu điện hoặc địa chỉ email, fax được chính thức đã công bố. Việc gửi hồ sơ phải đảm bảo về thời gian theo các quy định hiện hành.</p> <p>2. Ứng viên do HĐQT đề cử, giới thiệu</p> <p>Trường hợp ứng viên HĐQT thông qua đề cử quy định tại Khoản 1 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT đương nhiệm tổ chức đề cử, giới thiệu thêm ứng viên như quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty, theo trình tự như sau:</p> <p>a. Các Thành viên HĐQT có quyền giới thiệu nhân sự để chọn làm ứng viên thành viên HĐQT. Trên cơ sở danh sách nhân sự được giới thiệu đủ các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT tổ chức bỏ phiếu để lựa chọn nhân sự được xác định theo số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng ứng viên giới thiệu cho đợt bầu cử. Trường hợp có từ hai (02) nhân sự trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí ứng viên cuối cùng thì phiếu bầu của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</p> <p>b. Căn cứ vào kết quả lựa chọn nhân sự tại Điểm a Khoản này, HĐQT ban hành nghị quyết phê chuẩn danh sách ứng viên được giới thiệu để ĐHĐCĐ bầu</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
11.	<p>- Nhân sự được lựa chọn đạt được số phiếu cao nhất xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ nhân sự có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số nhân sự cần chọn làm ứng viên để giới thiệu cho đợt bầu cử.</p> <p>- Trường hợp có từ 02 nhân sự trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí ứng viên cuối cùng thì phiếu bầu của Chủ tịch HĐQT và Trưởng-BKS là phiếu quyết định.</p> <p>b. Trên cơ sở kết quả lựa chọn nhân sự nêu trên, Chủ tịch HĐQT, Trưởng-BKS ban hành Nghị quyết phê chuẩn danh sách nêu tại Điểm a, Khoản này sau khi hoàn tất các thủ tục xin ý kiến của các bên liên quan theo quy định (nếu có). Trường hợp có nhân sự bị loại bỏ khỏi danh sách bởi lý do được cho là phù hợp theo yêu cầu của bên liên quan và pháp luật, HĐQT, BKS không thực hiện việc lựa chọn nhân sự thay thế làm ứng viên đã bị loại. Quyền giới thiệu ứng viên còn lại thuộc về các Cổ đông khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 114 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Người đề cử, ứng viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác trung thực về nội dung thông tin trong hồ sơ theo quy định tại Khoản b, Điều 13, Quy chế này; chịu trách nhiệm đảm bảo rằng việc gửi hồ sơ giới thiệu đến đúng địa chỉ, thời gian theo quy định mỗi đợt bầu cử. Công ty không giải quyết bất cứ khiếu nại nào của người giới thiệu và bên thứ ba liên quan đến vấn đề lưu chuyển trước khi hồ sơ đến Công ty.</p>	<p>làm thành viên HĐQT.</p> <p>3. <u>Ứng viên do cổ đông khác đề cử, giới thiệu Trường hợp ứng viên HĐQT thông qua đề cử quy định tại khoản 1, 2 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, quyền giới thiệu ứng viên còn lại thuộc về các cổ đông khác theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>4. Người đề cử, ứng viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác trung thực về nội dung thông tin trong hồ sơ theo quy định, đảm bảo rằng việc gửi hồ sơ giới thiệu đến đúng địa chỉ, thời gian theo quy định mỗi đợt bầu cử. Công ty không giải quyết bất cứ khiếu nại nào của người giới thiệu và bên thứ ba liên quan đến vấn đề lưu chuyển trước khi hồ sơ đến Công ty</p>	Viết ngắn gọn lại vì trong Điều lệ Công ty đã quy định rõ
	<p><b>Điều 10. Công bố danh sách ứng viên</b></p> <p>1. Danh sách ứng viên được lập và công bố trên Trang thông tin của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm cuối cùng hoàn thành việc đã được thông báo của mỗi đợt bầu cử nhưng không muộn hơn thời điểm khai mạc cuộc họp bầu hoặc thời điểm bắt đầu thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản để bầu Thành viên HĐQT,</p>	<p><b>Điều 10. Công bố danh sách ứng viên</b></p> <p>1. Danh sách ứng viên được lập và công bố trên Trang thông tin của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm cuối cùng hoàn thành việc đề cử theo chương trình đã được thông báo của mỗi đợt bầu cử.</p> <p>2. Thông tin liên quan đến ứng viên <u>Thành viên</u></p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
<p>KSV.</p> <p>2. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT, KSV được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ chuyên môn;</p> <p>c. Quá trình công tác;</p> <p>d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ các chức vụ quản lý;</p> <p>e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>f. Các thông tin khác (nếu có).</p>	<p><b>Điều 11. Cách thức bầu cử</b></p> <p>1. Việc bầu thành viên HĐQT, KSV phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (X) với số thành viên HĐQT (X) với số thành viên HĐQT, KSV được bầu, và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số hoặc phân bổ đồng đều cho tất cả ứng viên.</p> <p>2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi số cổ phiếu của Cổ đông sở hữu, có đóng dấu Công ty.</p> <p>Đề thuận tiện cho công tác bầu cử và kiểm phiếu, Phiếu bầu có thể được chia sẵn theo danh sách để Cổ đông đánh dấu hoặc cách thức khác phù hợp. Phiếu bầu như <b>Biểu mẫu 13</b>.</p> <p>Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Phiếu không phải của Công ty phát hành;</p> <p>b. Tổng số Phiếu sau khi bầu lớn hơn số lượng phiếu mình sở hữu;</p> <p>c. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách Công ty công bố trước đợt bầu cử;</p> <p>d. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc</p>	<p>HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu như nêu tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.</p>	
12.	<p><b>Điều 11. Cách thức bầu cử</b></p> <p>1. Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (X) với số thành viên HĐQT được bầu và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng viên hoặc phân bổ đồng đều các ứng viên.</p> <p>2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi số cổ phần của Cổ đông sở hữu, có đóng dấu Công ty.</p> <p>Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Phiếu không phải của Công ty phát hành;</p> <p>b. Tổng số Phiếu sau khi bầu lớn hơn số lượng phiếu mình sở hữu;</p> <p>c. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đã được Công ty công bố trước đợt bầu cử;</p> <p>d. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của ĐHĐCĐ tại mỗi lần bầu cử.</p>	<p>Sửa đổi lại một số nội dung để phù hợp với thực tế</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>quyết định của ĐHĐCĐ tại mỗi lần bầu cử.</p> <p>3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.</p> <p>4. Cách thức xác định kết quả bầu:</p> <p>a. Căn cứ vào số lượng thành viên cần bầu tại mỗi đợt bầu cử và đảm bảo số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Người trúng cử Công ty, Người trúng cử Thành viên HĐQT hoặc KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số Thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>b. Trong trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho <b>thành viên cuối cùng của HĐQT</b> hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Phương thức và cách xác định kết quả bầu lần đầu quy định tại điều này. Nếu sau khi bầu lại vẫn không xác định được ứng cử viên cuối cùng, việc bầu bổ sung Thành viên sẽ xem xét tại cuộc họp tiếp theo của ĐHĐCĐ.</p>	<p>3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.</p> <p>4. Cách thức xác định kết quả bầu:</p> <p>a. Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT cần bầu tại mỗi đợt bầu cử và đảm bảo số thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, Người trúng cử Thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>b. Trong trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí <b>thành viên HĐQT cuối cùng</b> thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Phương thức và cách xác định kết quả bầu lần đầu quy định tại điều này. Nếu sau khi bầu lại vẫn không xác định được ứng cử viên cuối cùng, việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT sẽ xem xét tại cuộc họp tiếp theo của ĐHĐCĐ.</p>	
13.	<p><b>Điều 12. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT, KSV bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm Thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành viên.</p> <p>b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty như <b>Biểu mẫu 14</b>.</p> <p>c. Bị rớt loạn tâm thần và thành viên khai của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT, BKS trong</p>	<p><b>Điều 12. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT khi bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 26 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Viết lại cho ngắn gọn, vì Điều lệ Công ty đã quy định rõ.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận và HDQT, BKS quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống.</p> <p>e. Bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định khác tại Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trừ trường hợp quy định tại Điểm e, Khoản 1 Điều này, HDQT, BKS phải báo cáo việc miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu tại Khoản 1 Điều này cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.</p>		
14.	<p><b>Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HDQT, BKS</b></p> <p>Kết quả và các quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HDQT, BKS phải công bố thông tin đến Cổ đông, các bên liên quan trên các phương tiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.</p>	<p><b>Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HDQT</b></p> <p>Kết quả và các <u>quyết</u>, quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HDQT phải công bố thông tin đến cổ đông, các bên liên quan trên các phương tiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.</p>	Bổ sung thêm nội dung.
15.	<p><b>Điều 13. Bầu Chủ tịch HDQT và Trưởng Ban Kiểm soát</b></p> <p>1. Công ty thực hiện bầu Chủ tịch HDQT và Trưởng BKS khi vị trí này trống trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hết nhiệm kỳ;</p> <p>b. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và các trường hợp khác theo quy định.</p> <p>2. Trình tự thực hiện:</p> <p>a. Lựa chọn ứng viên để bầu:</p> <p>- HDQT, BKS lựa chọn trong số các Thành viên để bầu Chủ tịch HDQT, Trưởng BKS theo hình thức đề cử hoặc tự ứng cử.</p> <p>- Ứng cử viên để bầu phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định về công tác cán bộ liên quan đối với từng chức danh.</p> <p>b. Tổ chức phiên bầu cử:</p>	<p><b>Điều 14. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HDQT</b></p> <p>Chủ tịch HDQT do HDQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Công ty thực hiện bầu Chủ tịch HDQT khi vị trí này trống trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hết nhiệm kỳ;</p> <p>b. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và các trường hợp khác theo quy định <u>hiện hành</u>.</p> <p>c. <u>Có đơn từ chức</u>.</p> <p>2. Trình tự thực hiện việc bầu Chủ tịch HDQT:</p> <p>c. Lựa chọn ứng viên để bầu:</p> <p>- HDQT lựa chọn trong số các Thành viên để bầu Chủ tịch HDQT theo hình thức đề cử hoặc tự ứng cử.</p> <p>- Ứng cử viên để bầu phải đảm bảo các điều kiện</p>	Bổ nội dung liên quan đến Ban Kiểm soát, bổ sung thêm nội dung theo Quy chế QTNB mẫu TT116



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>- Trường hợp toàn bộ HĐQT, BKS cùng hết nhiệm kỳ theo Khoản 3, Điều 150 và Khoản 3, Điều 163, Luật Doanh nghiệp thì HĐQT, BKS mới thực hiện nhóm họp để bầu Chủ tịch HĐQT và Trường BKS trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) Thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số.</p> <p>- Trường hợp khuyết Chủ tịch HĐQT, Trường BKS thì Thành viên HĐQT, BKS là Người đại diện theo ủy quyền hoặc được giới thiệu bởi Cổ đông sở hữu số cổ phần nhiều nhất (tính theo Danh sách lập Cổ đông lập tại thời điểm gần nhất) là người triệu tập và điều hành phiên bầu cử. Trong trường hợp có hơn một Thành viên theo quy định tại mục này, các Thành viên phải tự thỏa thuận để chọn ra một người triệu tập và điều hành phiên bầu cử.</p> <p>- Mỗi Thành viên có một phiếu bầu. Thành viên được chọn làm ứng viên có quyền tự bỏ phiếu bầu cho mình.</p> <p>- Kết quả bầu cử được xác định theo nguyên tắc quá bán và được lập theo quy định và kết quả bầu cử có hiệu lực ngay khi Biên bản này có đầy đủ chữ ký của các Thành viên bỏ phiếu bầu cho Người trúng cử trừ khi có quy định khác về việc cần được chuẩn y kết quả bầu cử bởi cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>- Nghị quyết thông qua kết quả bầu được ký và ban hành bởi Chủ tịch nhiệm kỳ mới.</p> <p>- Việc công bố thông tin về kết quả bầu cử theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.</p>	<p>theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định hiện hành về công tác nhân sự liên quan đối với từng chức danh.</p> <p>d. Tổ chức phiên họp bầu cử: Người triệu tập và điều hành phiên họp bầu cử: Người được chọn làm Người triệu tập và điều hành phiên họp bầu cử được xác định theo nguyên tắc sau:</p> <p>- Trường hợp toàn bộ HĐQT cùng hết nhiệm kỳ theo Khoản 3, Điều 154 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Các thành viên HĐQT mới thực hiện nhóm họp để bầu Chủ tịch HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) Thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số. Trường hợp còn lại, Thành viên HĐQT là Người đại diện theo ủy quyền hoặc được giới thiệu bởi cổ đông sở hữu số cổ phần nhiều nhất (tính theo Danh sách lập cổ đông lập tại thời điểm gần nhất) là người triệu tập và điều hành phiên bầu cử. Trong trường hợp có hơn một Thành viên HĐQT, theo quy định tại mục này, các Thành viên HĐQT phải tự thỏa thuận để chọn ra một người triệu tập và điều hành phiên bầu cử.</p> <p>- Mỗi Thành viên HĐQT có một phiếu bầu. Thành viên HĐQT được chọn làm ứng viên có quyền tự bỏ phiếu bầu cho mình.</p> <p>- Kết quả bầu cử được xác định theo nguyên tắc quá bán và được lập theo quy định và kết quả bầu cử có hiệu lực ngay khi Biên bản này có đầy đủ chữ ký của các Thành viên bỏ phiếu bầu cho Người trúng cử trừ khi có quy định khác về việc cần được chuẩn y kết quả bầu cử bởi cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>- Nghị quyết thông qua kết quả bầu được ký và ban hành bởi Chủ tịch nhiệm kỳ mới.</p> <p>- Việc công bố thông tin về kết quả bầu cử theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>quá bán trong trường hợp chỉ có một ứng viên. Trường hợp có từ hai ứng viên trở lên thì lựa chọn ứng viên đạt số phiếu bầu cao nhất.</p> <p>- Biên bản phiên bầu cử được lập theo quy định và kết quả bầu cử có hiệu lực ngay khi Biên bản này có đầy đủ chữ ký của các Thành viên HĐQT bỏ phiếu bầu cho Người trúng cử trừ khi có quy định khác về việc cần được chuẩn y kết quả bầu cử bởi cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>- Nghị quyết thông qua kết quả bầu được ký và ban hành bởi Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ mới.</p> <p>Việc công bố thông tin về kết quả bầu cử theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.</p> <p>3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Các trường hợp khác HĐQT phải thực hiện bầu Chủ tịch HĐQT thay thế trong thời gian bảy (07) ngày kể từ thời điểm có đủ căn cứ cho rằng Chủ tịch HĐQT đương nhiệm không thể thực hiện nhiệm vụ theo Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>	
16.		<p><b><u>Điều 15. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT</u></b></p> <p><u>Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của pháp luật và Điều 28 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Bổ sung thêm nội dung này theo Quy chế QTNB mẫu TT116</p>
17.	<p><b>CHƯƠNG V. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p><b>Điều 21. Cuộc họp thường kỳ</b></p> <p>1. HĐQT tổ chức cuộc họp thường kỳ mỗi quý một (01) lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập. Thời gian và địa điểm do Chủ tịch HĐQT ấn định, tuy nhiên không được muộn hơn</p>	<p><b><u>Điều 16. Cuộc họp của HĐQT</u></b></p> <p>Trình tự và thủ tục tổ chức cuộc họp HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty</p>	<p>Nội dung này đã được đề cập cụ thể, chi tiết tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>ngày 25 của tháng đầu tiên mỗi quý. Cuộc họp thường kỳ không được tổ chức theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:</p> <p>a. Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh Công ty tính đến thời điểm tổ chức cuộc họp và kế hoạch quý tiếp theo của Giám đốc;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý trước liền kề (dự thảo);</p> <p>c. Báo cáo kết quả, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; các kết luận của cơ quan có thẩm quyền do Thành viên HĐQT được phân công theo dõi lập;</p> <p>d. Báo cáo giám sát việc thực hiện các Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định do Thành viên HĐQT được phân công theo dõi lập;</p> <p>e. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>3. Trình tự tổ chức cuộc họp thường kỳ</p> <p>a. Chuẩn bị nội dung cuộc họp:</p> <p>— Chủ tịch HĐQT chỉ đạo chuẩn bị đầy đủ các tài liệu quy định tại Khoản 2 Điều này.</p> <p>— Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này, các Thành viên HĐQT, Giám đốc căn cứ tình hình thực tế của Công ty đề nghị bổ sung nội dung cuộc họp như Điều mẫu 15. Đề nghị bổ sung nội dung phải gửi đến HĐQT trong thời gian ba (03) ngày trước thời điểm cuộc họp diễn ra. Trường hợp nội dung đề xuất đưa vào cuộc họp để quyết nghị, người đề xuất nội dung phải gửi kèm theo văn bản đề xuất dự thảo nội dung quyết nghị và các thông tin, tài liệu liên quan (nếu có).</p> <p>b. Thông báo mời họp:</p> <p>— Thông báo mời họp phải được gửi đến các Thành</p>		

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
TT	<p>viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến như Điều mẫu 16.</p> <p>— Thông báo mời họp phải kèm chương trình nghị sự, thông tin liên quan đến nội dung thảo luận, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp thường kỳ.</p> <p>— Thư ký HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi đầy đủ, đúng hạn và đồng thời đến các Thành viên HĐQT.</p> <p>e. Điều kiện tiến hành cuộc họp:</p> <p>— Cuộc họp thường kỳ chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) tham dự.</p> <p>— Theo chấp thuận của chủ tọa cuộc họp, hoặc thông tin đã được thể hiện trong thông báo mời họp, Thành viên có thể được coi là tham dự cuộc họp khi tham dự bằng hình thức trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác. Cuộc họp này chỉ được thực hiện khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 30, Điều lệ Công ty.</p> <p>— Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số Thành viên HĐQT dự họp.</p> <p>d. Thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp:</p> <p>— Thành viên HĐQT có quyền thảo luận, nêu quan điểm của mình về các nội dung trong chương trình nghị sự theo thông báo mời họp và phải chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu, biểu quyết của mình.</p> <p>— Các Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp của HĐQT.</p>		

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>— Để đảm bảo thông tin làm căn cứ biểu quyết, theo đề xuất của Thành viên HĐQT hoặc lý do khác xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể mời các bên liên quan không phải Thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và trình bày các ý kiến khi được yêu cầu. Chi phí mời tham dự cuộc họp quy định tại khoản này được chi trả theo quy định.</p> <p>— HĐQT thông qua các nghị quyết bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hay ủy quyền (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT. Mỗi Thành viên HĐQT trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân hoặc người được ủy quyền họp lệ đại diện cho thành viên đó tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết, có giá trị ngang nhau.</p> <p>— Các Thành viên và Người đại diện tự chịu trách nhiệm xác định và công bố sự liên quan lợi ích của mình đối với các vấn đề tham gia biểu quyết đề từ bộ hay tiếp tục thực hiện biểu quyết. Kết quả biểu quyết không bị giới hạn hiệu lực vì sự liên quan lợi ích phát hiện sau khi Nghị quyết ban hành. Các hậu quả phát sinh (nếu có) do việc không từ chối quyền biểu quyết quy định tại mục này đối với Công ty, bên thứ ba do Thành viên liên quan chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định.</p> <p>— Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các nghị quyết của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc giao tay ngay tại cuộc họp HĐQT.</p> <p>e. Biên bản cuộc họp:</p> <p>— Nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được Thư ký HĐQT Công ty ghi chép trung thực và đầy đủ trong Biên bản cuộc họp của HĐQT như Biểu mẫu 17. Biên bản cuộc họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có đủ họ tên,</p>	<p><b>Dự thảo Quy chế QTNB mới</b></p>	<p><b>Lý do sửa đổi/bổ sung</b></p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
18.	<p>chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT hoặc đại diện ủy quyền tham dự cuộc họp.</p> <p>— Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo chuyên biên bản họp cho các thành viên ký và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản và các tài liệu liên quan của cuộc họp được lưu chuyển đến các Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và lưu trữ theo quy định.</p> <p>f. Nghị quyết cuộc họp:</p> <p>— Tùy vào yêu cầu của thực tế triển khai các Quyết nghị của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc Người được ủy quyền sẽ thay mặt HĐQT ban hành các Quyết nghị dưới hình thức văn bản (nghị quyết, quyết định) đảm bảo thể thức theo quy định. Nghị quyết của HĐQT được ban hành phải phản ánh chính xác và đầy đủ theo nội dung Biên bản cuộc họp được thông qua.</p> <p>- Các Quyết nghị sau khi đã được ban hành phải được công bố, lưu chuyển đến các bên liên quan và lưu trữ theo quy định cũng như đảm bảo tính thực thi đầy đủ, kịp thời.</p> <p><b>Điều 22. Cuộc họp khác của HĐQT</b></p> <p>1. Ngoài cuộc họp thường kỳ quy định tại Điều 21 Quy chế này, Chủ tịch HĐQT tổ chức các cuộc họp khác của HĐQT bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và phải tổ chức họp Hội đồng quản trị mà không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản như <b>Điều mẫu 18:</b></p> <p>a. Giám đốc;</p> <p>b. Ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;</p> <p>c. Ít nhất hai (02) Thành viên HĐQT;</p> <p>d. BKS;</p> <p>e. Kiểm toán viên độc lập thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.</p>		
			Bổ nội dung này theo Quy chế QTNB mẫu TT116

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
19.	<p>2. Yêu cầu tổ chức cuộc họp quy định tại Khoản 1, Điều này phải gửi đến HĐQT ít nhất 10 ngày trước ngày đề nghị diễn ra cuộc họp trừ trường hợp khẩn cấp và được Chủ tịch HĐQT chấp nhận.</p> <p>3. Chủ tịch HĐQT tổ chức cuộc họp theo trình tự và thủ tục như đối với cuộc họp quy định tại Điều 21 Quy chế này trong vòng bảy (07) ngày.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chối tổ chức cuộc họp được yêu cầu bởi các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều này với các lý do được cho là không phù hợp, những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp HĐQT. Trình tự và các điều kiện tổ chức cuộc họp áp dụng theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.</p> <p><b>Điều 23. Thông qua Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b></p> <p>1. Đối với các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT thấy không nhất thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền. Phiếu lấy ý kiến như Biểu mẫu 19.</p> <p>2. Phiếu lấy ý kiến phải kèm theo Dự thảo nghị quyết và tài liệu liên quan và được chuyển đến từng Thành viên trước bảy (07) ngày trước khi thực hiện biểu quyết, trừ trường hợp cần thiết theo vì lợi ích của Công ty mà Chủ tịch HĐQT xét thấy phù hợp.</p> <p>3. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Chủ tịch tổ chức các phiên thảo luận có sự tham gia của các bên liên quan để làm rõ thông tin trước khi biểu quyết. Yêu cầu phải được gửi đến Chủ tịch trước thời điểm thực hiện biểu quyết một (01) ngày. Việc tham dự phiên thảo luận không bắt buộc đối với mọi Thành viên, các ý kiến tại phiên thảo luận không có hiệu lực thay thế phiếu biểu quyết đã được phát hành.</p>	<p><b>Điều 17. Thông qua Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b></p> <p>Đối với các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT thấy không nhất thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo trình tự và thủ tục được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty</p>	<p>Nội dung này đã được đề cập cụ thể, chi tiết tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>4. Các Thành viên thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu lấy ý kiến theo quy định.</p> <p>5. Xứ lý Phiếu biểu quyết:</p> <p>a. Một nội dung lấy ý kiến được xem là thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết đồng ý.</p> <p>b. Đối với nội dung không đủ số phiếu biểu quyết đồng ý thông qua, Chủ tịch HĐQT có thể xem xét tổ chức cuộc họp khác theo trình tự quy chế này để xử lý theo quy định.</p> <p>c. Thư ký HĐQT chịu trách nhiệm nhận và kiểm phiếu lấy ý kiến đã biểu quyết. Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến như Biểu mẫu 20.</p> <p>d. Nghị quyết thông qua theo hình thức quy định tại Điều này có hiệu lực và như các nghị quyết thông qua tại các cuộc họp khác của HĐQT.</p> <p>e. Biên bản kiểm Phiếu, Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được công bố, lưu chuyên, lưu trữ theo quy định.</p>	<p><b>Điều 18. Các tiêu ban trực thuộc HĐQT</b> Việc thành lập và hoạt động của các Tiêu ban trực thuộc HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều 31 Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty</p>	<p>Nội dung này đã được đề cập cụ thể, chi tiết tại Điều 31 Điều lệ Công ty.</p>
20.	<p><b>CHƯƠNG VI. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIÊU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p><b>Điều 24. HĐQT có thể thành lập các tiêu ban gồm:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tiêu ban chính sách phát triển,</li> <li>2. Tiêu ban nhân sự,</li> <li>3. Tiêu ban lương thưởng;</li> <li>4. Các tiêu ban khác theo Nghị quyết của ĐHQĐ.</li> </ol> <p><b>Điều 25. Cơ cấu, cơ chế hoạt động và trình tự thành lập các Tiêu ban</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thành viên của tiêu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Các nhân sự tham gia tiêu ban phải có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tiêu ban được thành lập.</li> </ol>		



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
21.	<p>2. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là Thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:</p> <p>a. Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban</p> <p>b. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.</p> <p><del>3. Quyết định thành lập tiểu ban của HĐQT dựa trên đề xuất của Chủ tịch HĐQT sau khi được đa số các Thành viên HĐQT thông qua.</del></p> <p><del>4. Trường hợp không thành lập các tiểu ban thì HĐQT cử thành viên HĐQT phụ trách riêng về từng vấn đề theo chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban trên.</del></p>	<p><b>Điều 19. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</b></p> <p>1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p><u>Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.</u></p> <p>2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p><b>HQĐT phải bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác</b></p>	<p>Bổ sung thêm nội dung về tiêu chuẩn, các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty để phù hợp với Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp 2020</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
22.	<p><b>Điều 20. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm</b>  Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các đối tượng quy định tại Chương này được công bố theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.</p>	<p><b>quản trị Công ty.</b> <u>Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>3. <u>Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</u>  <u>HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định hiện hành về lao động.</u></p> <p>4. <u>Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</u>  Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được công bố theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.</p> <p>5. <u>Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty như quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.</u></p> <p><b>CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT</b></p> <p><b><u>Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của KSV</u></b></p> <p>1. <u>Vai trò của BKS</u>  BKS là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát việc quản lý và điều hành Công ty, gồm các KSV được bầu bởi ĐHĐCĐ.</p> <p>2. <u>Quyền và nghĩa vụ của BKS</u>  BKS có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định liên quan khác của pháp luật và Điều 39 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. <u>Trách nhiệm của KSV</u>  KSV có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Luật doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p>	<p>Bổ sung thêm Chương này theo Quy chế QTNB mẫu TT116, nội dung chủ yếu được tách ra từ Chương IV của Quy chế cũ và sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p><b>Điều 21. Nhiệm kỳ và số lượng KSV</b> Số lượng KSV là ba (03) người. Nhiệm kỳ của KSV là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><b>Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện của KSV</b> KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p><b>Điều 23. Đề cử, ứng cử KSV</b> Việc đề cử, ứng cử KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 9 Quy chế này.</p> <p><b>Điều 24. Công bố danh sách ứng viên</b> Việc công bố danh sách ứng cử viên KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 10 Quy chế này.</p> <p><b>Điều 25. Cách thức bầu KSV</b> Các thức bầu KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 11 Quy chế này.</p> <p><b>Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV</b> KSV bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 3 và 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.</p> <p><b>Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV</b> Kết quả và các nghị quyết, quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV phải công bố thông tin đến cổ đông, các bên liên quan trên các phương tiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch. Kết quả và các nghị quyết, quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV được công bố theo quy định</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
		<p>Điều 13 của Quy chế này.</p> <p><b>Điều 28. Tiền lương và quyền lợi khác của KSV</b>            BKS được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của pháp luật và Điều 41 Điều lệ Công ty.</p>	
23.	<p><b>CHƯƠNG IV: BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</b></p> <p><b>Điều 15.</b> Tiêu chuẩn lựa chọn bổ nhiệm Giám đốc và Người quản lý Công ty phải có các tiêu chuẩn sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</li> <li>2. Trình độ học vấn, Chuyên môn phù hợp vị trí đảm nhiệm;</li> <li>3. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;</li> <li>4. Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách;</li> <li>5. Có năng lực quản trị;</li> <li>6. Các tiêu chuẩn riêng cụ thể cho từng vị trí theo quy định về công tác cán bộ liên quan.</li> </ol> <p><b>Điều 16. Bổ nhiệm</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. HĐQT bổ nhiệm một Thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc.</li> <li>b. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Giám đốc bao gồm:               <ul style="list-style-type: none"> <li>— Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;</li> <li>— Bản kê khai tài sản, thu nhập;</li> <li>— Chương trình hành động;</li> <li>— Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;</li> <li>— Các bản sao văn bản, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (sao y bản chính);</li> </ul> </li> </ol>	<p><b>CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC</b></p> <p><b>Điều 29. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc</b>            Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p><b>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và các yêu cầu riêng cho vị trí Giám đốc theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ ban hành đối với tiêu chuẩn của cán bộ quản lý.</li> <li>2. Bổ nhiệm Giám đốc            HĐQT bổ nhiệm một Thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc. Hồ sơ và trình tự bổ nhiệm Giám đốc theo quy định liên quan về công tác nhân sự của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</li> <li>3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc            HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc khi đa số (trên 50%) Thành viên HĐQT tán thành và bỏ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.</li> </ol> <p>a. Giám đốc có thể được HĐQT miễn nhiệm trong</p>	<p>Sửa lại nội dung chương này chi đề cập đến Giám đốc, không bao gồm Người quản lý khác; bổ sung thêm các nội dung theo Quy chế QTNB mẫu TT116 và đề phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>— Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có);</p> <p>— Các giấy tờ liên quan khác theo quy định của Công ty mẹ, pháp luật hiện hành.</p> <p>Trình tự thực hiện các thủ tục bổ nhiệm theo quy định liên quan về công tác cán bộ của pháp luật, Công ty mẹ và Điều lệ Công ty hiện hành.</p> <p>2. <del>Bổ nhiệm Người quản lý khác; các chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Giám đốc. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và thủ tục bổ nhiệm thực hiện tương tự tại Khoản 1 Điều này.</del></p> <p><b>Điều 17. Ký hợp đồng lao động với Người quản lý</b></p> <p>1. Khi có quyết định bổ nhiệm, hợp đồng lao động với Giám đốc được ký kết bởi Chủ tịch HĐQT sau khi được HĐQT thông qua.</p> <p>2. <del>Giám đốc ký hợp đồng lao động với Người quản lý khác thuộc thẩm quyền của mình theo các quy định hiện hành.</del></p> <p>3. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và các quy định liên quan.</p> <p><b>Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm</b></p> <p>1. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc:</p> <p>HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc khi đa số (trên 50%) Thành viên Hội đồng quản trị tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.</p> <p>a. Giám đốc có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;</p>	<p>các trường hợp sau:</p> <p>- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;</p> <p>- Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;</p> <p>- Theo đề nghị từ chức của Giám đốc;</p> <p>- Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.</p> <p>b. Giám đốc có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;</p> <p>- Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức bị truy phải chấm dứt hợp đồng lao động;</p> <p>- Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.</p> <p>Trình tự thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>4. <u>Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc</u>  <u>Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc</u> được công bố theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.</p> <p>5. <u>Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc Công ty có quyền trả lương, thưởng và lợi ích khác cho Giám đốc do HĐQT quyết định, được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên</u></p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;</li> <li>- Theo đề nghị từ chức của Giám đốc;</li> <li>- Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.</li> </ul> <p>b. Giám đốc có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;</li> <li>- Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;</li> <li>- Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.</li> </ul> <p>2. <del>Miễn nhiệm, bãi nhiệm chức vụ quản lý khác do HĐQT quyết định theo đề xuất của Giám đốc.</del></p> <p>3. Trình tự thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định về công tác cán bộ liên quan.</p>	<p><b>CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC</b></p> <p><b>Điều 31.</b> Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc</p> <p>Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế này.</p> <p><b>Điều 32. Trao đổi thông tin</b></p> <p>Việc trao đổi thông tin HĐQT, BKS, Giám đốc và Bộ máy điều hành phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung về Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, các vấn đề liên quan giữa HĐQT, BKS và Giám đốc.</p> <p>Bổ sung thêm các nội dung về việc Trao đổi thông tin theo Quy chế QTNB mẫu TT116</p>
24.	<p><b>Điều 26. Trao đổi thông tin</b></p> <p>1. <del>Chức tịch</del> HĐQT bảo đảm rằng thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức đối với thành viên HĐQT.</p> <p>2. HĐQT thông tin đến <del>Thành</del> BKS về các cuộc họp quan trọng của HĐQT để BKS và Giám đốc bố trí tham dự. Chương trình, nội dung cuộc họp gửi đến Trưởng BKS và Giám đốc cùng thời gian gửi đến các Thành viên HĐQT.</p> <p>3. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi đến BKS, đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc theo các quy định hiện hành.</p> <p>4. <del>Theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan,</del> Giám đốc báo cáo HĐQT và gửi đến BKS các</p>	<p><b>CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC</b></p> <p><b>Điều 26.</b> Trao đổi thông tin</p> <p>1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc</p> <p>Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế này.</p> <p><b>Điều 27. Trao đổi thông tin</b></p> <p>Việc trao đổi thông tin HĐQT, BKS, Giám đốc và Bộ máy điều hành phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:</p>	

Lý do sửa đổi/bổ sung	
<p><b>Dự thảo Quy chế QTNB mới</b></p>	<p>1. HDQT bảo đảm rằng thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến Thành viên HDQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến KSV cùng thời điểm và theo phương thức đối với thành viên HDQT.</p> <p>2. HDQT thông tin đến BKS, Giám đốc về các cuộc họp quan trọng của HDQT để BKS và Giám đốc bố trí tham dự. Chương trình, nội dung cuộc họp gửi đến KSV và Giám đốc cùng thời gian gửi đến các Thành viên HDQT.</p> <p>3. Các nghị quyết, quyết định, biên bản họp, thông báo kết quả họp của HDQT được gửi đến BKS, đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc theo các quy định hiện hành.</p> <p>4. Giám đốc báo cáo HDQT và đồng thời gửi đến BKS về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao như sau:</p> <p>a. Tại các cuộc họp HDQT;</p> <p>b. Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin của HDQT;</p> <p>c. Các báo cáo đột xuất khi Giám đốc thấy cần thiết.</p> <p>Việc báo cáo phải kịp thời, đảm bảo đầy đủ các thông tin theo quy định hiện hành.</p> <p>5. Giám đốc đảm bảo việc lưu chuyên thông tin theo quy định đến tất cả các Thành viên HDQT và các bên liên quan kịp thời, đầy đủ.</p>
<p><b>Nội dung hiện hành</b></p>	<p>Điều 33. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HDQT, BKS và Giám đốc</p> <p>1. Quan hệ phối hợp giữa HDQT, Giám đốc và BKS:</p> <p>a. HDQT, Giám đốc tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành</p>
<p>TT</p>	<p>Điều 27. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các Thành viên HDQT, các KSV và Giám đốc</p> <p>1. Quan hệ phối hợp giữa HDQT và BKS:</p> <p>a. HDQT tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo</p>
<p>25.</p>	<p>Điều 27. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các Thành viên HDQT, các KSV và Giám đốc</p> <p>1. Quan hệ phối hợp giữa HDQT và BKS:</p> <p>a. HDQT tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo</p>

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>cáo tài chính của Công ty.</p> <p>b. HDQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo <b>Giám đốc Công ty</b> thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành và trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>c. BKS thực hiện việc thẩm định và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, đồng thời định kỳ thông báo cho HDQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>d. BKS phải lập chương trình kế hoạch công tác định kỳ và thông báo cho HDQT biết trước khi thực hiện.</p> <p>e. Phối hợp với HDQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.</p> <p>f. Việc kiểm tra của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HDQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Quan hệ công tác giữa HDQT với bộ máy điều hành của Công ty.</p>	<p>kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>b. HDQT, <u>Giám đốc</u> có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo <b>những Người quản lý liên quan</b> thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành và trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>c. BKS thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, đồng thời định kỳ thông báo cho HDQT, <u>Giám đốc</u> về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>d. BKS phải lập chương trình kế hoạch công tác định kỳ và thông báo cho HDQT, <u>Giám đốc</u> biết trước khi thực hiện.</p> <p>e. <u>BKS</u> phối hợp với HDQT, <u>Giám đốc</u> trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.</p> <p>f. Việc kiểm tra của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HDQT, <u>Giám đốc</u>, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Quan hệ công tác giữa HDQT với bộ máy điều hành của Công ty.</p>	



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>b. Khi có vấn đề phát sinh cần sự phê duyệt, chấp thuận của HĐQT, Giám đốc trình HĐQT thông qua bằng văn bản. Văn bản trình HĐQT phải nêu rõ sự cần thiết, thẩm quyền quyết định; đánh giá rủi ro (nếu có); phương án đề xuất cụ thể để giải quyết vấn đề. Kèm theo văn bản trình phải có dự thảo nghị quyết của HĐQT về vấn đề đó. Trong trường hợp có quan điểm khác nhau giữa HĐQT và Giám đốc về một vấn đề, Quyết nghị của HĐQT được ban hành là quyết định cuối cùng. Giám đốc phải tuân theo. Giám đốc được quyền bảo lưu quan điểm và miễn trừ trách nhiệm đối với các hậu quả phát sinh (nếu có) liên quan đến quyết định nêu trên.</p> <p>c. Trong mọi trường hợp, Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về các vấn đề của Công ty theo nội dung đã được phân cấp, ủy quyền. <del>HĐQT không-thiết-vào-công-tác-điều-hành-của-Giám-đốc-Công-ty</del>. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác, ... do Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt.</p> <p>d. Những cuộc họp nội bộ của Công ty có tính chất quan trọng như liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc giải quyết những vướng mắc lớn của Công ty thì Giám đốc phải chủ động mời Chủ tịch HĐQT tham dự.</p> <p>e. Thành viên HĐQT có thể tham dự các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, các đề án hợp tác cũng như những cuộc họp khác của Công ty hoặc có liên quan đến Công ty do Người có thẩm quyền chủ trì, triệu tập. Thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến, đóng góp nhưng không kết luận nội dung cuộc họp. Việc tham gia các cuộc họp hoặc chương trình làm việc của các thành viên HĐQT sẽ do Thư ký HĐQT Công ty thông báo tới Ban Giám đốc.</p>	<p><b>Dự thảo Quy chế QTNB mới</b></p> <p>a. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT. Trong phạm vi thẩm quyền, Hội đồng quản trị có thể phân cấp, giao cho Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với quy định và thực tế hoạt động của Công ty với thể thức và trình tự theo quy định.</p> <p>Để thực hiện phân cấp và các nhiệm vụ do HĐQT giao, căn cứ yêu cầu công việc, Giám đốc có thể trực tiếp thực hiện các công việc được phân cấp hoặc phân cấp, ủy quyền cho các cán bộ quản lý hoặc Người điều hành khác của Công ty thực hiện. Việc phân cấp, ủy quyền không được vượt quá phạm vi đã được HĐQT phân cấp cho Giám đốc.</p> <p>b. Khi có vấn đề phát sinh cần sự phê duyệt, chấp thuận của HĐQT, Giám đốc trình HĐQT thông qua bằng văn bản. Văn bản trình HĐQT phải nêu rõ sự cần thiết, thẩm quyền quyết định; đánh giá rủi ro (nếu có); phương án đề xuất cụ thể để giải quyết vấn đề. Kèm theo văn bản trình phải có dự thảo nghị quyết của HĐQT về vấn đề đó. Trong trường hợp có quan điểm khác nhau giữa HĐQT và Giám đốc về một vấn đề, Quyết nghị của HĐQT được ban hành là quyết định cuối cùng. Giám đốc phải tuân theo. Giám đốc được quyền bảo lưu quan điểm và miễn trừ trách nhiệm đối với các hậu quả phát sinh (nếu có) liên quan đến quyết định nêu trên.</p> <p>c. Trong mọi trường hợp, Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về các vấn đề của Công ty theo nội dung đã được phân cấp, ủy quyền. <del>HĐQT không-thiết-vào-công-tác-điều-hành-của-Giám-đốc-Công-ty</del>. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác, ... do Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt.</p> <p>d. Những cuộc họp nội bộ do Giám đốc chủ trì có tính chất quan trọng như liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc giải quyết những vướng mắc lớn của Công ty thì Giám đốc phải chủ động mời Chủ tịch HĐQT tham dự.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>f. HĐQT tham dự cuộc họp giao ban Công ty định kỳ hàng tháng hoặc các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp giao ban Công ty.</p> <p>g. Đối với các đề án lớn và quan trọng do Công ty triển khai thực hiện, thành viên HĐQT được phân công phụ trách lĩnh vực đó có thể yêu cầu Ban Giám đốc hoặc Người đại diện của Công ty tổ chức cuộc họp để nghe báo cáo.</p> <p>h. Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Ban điều hành/Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc, các bộ phận của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn thông tin/tài liệu theo yêu cầu bằng văn bản của Thành viên HĐQT.</p> <p>i. HĐQT sử dụng bộ máy giúp việc, phương tiện vật chất và các chuyên viên của Công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan trong trường hợp cần thiết.</p> <p>j. HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số của Công ty và bản lưu phải được quản lý riêng.</p> <p>k. Thư ký HĐQT và Văn phòng Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi &amp; đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Công ty.</p> <p>l. Căn cứ vào phân công việc trong HĐQT, Thư ký</p>	<p>giải quyết những vướng mắc lớn của Công ty thì Giám đốc phải chủ động mời Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT tham dự.</p> <p>e. Thành viên HĐQT có thể tham dự các cuộc họp khác của Công ty. Khi tham dự họp, thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến, đóng góp nhưng không kết luận nội dung cuộc họp. Việc tham gia các cuộc họp hoặc chương trình làm việc của các thành viên HĐQT sẽ do Thư ký HĐQT Công ty thông báo tới Ban Giám đốc.</p> <p>f. HĐQT tham dự cuộc họp giao ban Công ty định kỳ hàng tháng hoặc các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp giao ban Công ty.</p> <p>g. Đối với các đề án lớn và quan trọng do Công ty triển khai thực hiện, thành viên HĐQT được phân công phụ trách lĩnh vực đó có thể yêu cầu Ban Giám đốc tổ chức cuộc họp để nghe báo cáo.</p> <p>h. Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Ban Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc, các bộ phận của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn thông tin/tài liệu theo yêu cầu bằng văn bản của Thành viên HĐQT.</p> <p>i. HĐQT sử dụng bộ máy giúp việc, phương tiện vật chất kỹ thuật của Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình. Ngoài Thư ký HĐQT là bộ phận giúp việc thường xuyên, HĐQT sử dụng bộ máy điều hành, các phòng chức năng và các chuyên viên của Công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan trong trường hợp cần thiết.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>HDQT Công ty chủ động chuyển thông tin, tài liệu tới Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT được phân công phụ trách trong lĩnh vực và đơn vị đó, đồng thời sao gửi đến tất cả các thành viên. Thông tin, tài liệu được chuyển qua Hệ thống phân phối văn bản của Công ty có giá trị xác thực như bản phát hành in.</p> <p>m. Những văn bản, tài liệu giao dịch của Cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên, cơ quan chức năng Nhà nước gửi đến Công ty; các văn bản mang tính chất có nội dung liên quan đến công tác quản lý, phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT phụ trách liên quan để phối hợp xử lý.</p> <p>n. Các hoạt động khác được phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>j. HDQT sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số của Công ty và bản lưu phải được quản lý riêng.</p> <p>k. Thư ký HĐQT và Phòng chức năng của Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi &amp; đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Công ty.</p> <p>l. Căn cứ vào phân công công việc trong HĐQT, Thư ký HĐQT Công ty chủ động chuyển thông tin, tài liệu tới Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT được phân công phụ trách trong lĩnh vực và đơn vị đó, đồng thời sao gửi đến tất cả các thành viên. Thông tin, tài liệu được chuyển qua Hệ thống phân phối văn bản của Công ty có giá trị xác thực như bản phát hành in.</p> <p>m. Những văn bản, tài liệu giao dịch của Cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên, cơ quan chức năng Nhà nước gửi đến Công ty; các văn bản mang tính chất điều hành của Giám đốc có nội dung liên quan đến công tác quản lý, phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT phụ trách liên quan để phối hợp xử lý.</p> <p>n. Các hoạt động khác được phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	Bổ nội dung này vì đã có trong các quy định nội bộ.
26.	<p><b>CHƯƠNG VIII.</b>  <b>ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.</b></p>	<p><b>CHƯƠNG VIII.</b>  <b>ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
TT	<p><b>Điều 28. Đánh giá hoạt động hàng năm</b></p> <p>1. Phương thức đánh giá hoạt động: công tác đánh giá được tiến hành hàng năm và có thể theo một trong các phương thức sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tự nhận xét, đánh giá;</li> <li>Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;</li> <li>Các cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng điểm phù hợp với quy định liên quan.</li> </ol> <p>2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>HDQT đánh giá hoạt động của Thành viên HDQT dựa theo chức năng, nhiệm vụ của HDQT quy định tại Điều lệ của Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.</li> <li>BKS đánh giá hoạt động của KSV dựa theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.</li> <li>HDQT đánh giá hoạt động của Giám đốc và người điều hành khác (theo đề nghị của Giám đốc), trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và của cá nhân được đánh giá.</li> </ol> <p>3. Trình tự đánh giá hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hàng năm, cán bộ tự xây dựng Kế hoạch công việc cá nhân theo chức trách, nhiệm vụ được giao như <b>Biểu mẫu 21</b>.</li> <li>Cán bộ tự đánh giá và tự nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ như <b>Biểu mẫu 22</b>.</li> <li>Cán bộ cấp trên theo tiêu chí tại Điểm b, Khoản 1, Điều này cho ý kiến và quyết định cuối cùng về kết quả đánh giá.</li> </ol> <p>4. Các mức phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc nhiệm vụ;</li> <li>Hoàn thành nhiệm vụ;</li> </ol>	<p><b>Điều 34. Đánh giá hoạt động hàng năm</b></p> <p>1. Phương thức đánh giá hoạt động: công tác đánh giá được tiến hành hàng năm và có thể theo một trong các phương thức sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tự nhận xét, đánh giá;</li> <li>Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;</li> <li>Các cách thức khác do HDQT lựa chọn vào từng thời điểm phù hợp với quy định liên quan.</li> </ol> <p>2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>HDQT đánh giá hoạt động của Thành viên HDQT dựa theo chức năng, nhiệm vụ của HDQT quy định tại Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của HDQT và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.</li> <li>BKS đánh giá hoạt động của KSV dựa theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.</li> <li>HDQT đánh giá hoạt động của Giám đốc và người điều hành khác (theo đề nghị của Giám đốc), trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và của cá nhân được đánh giá.</li> </ol> <p>3. Trình tự đánh giá hoạt động</p> <p>Trình tự đánh giá hoạt động Thành viên HDQT, KSV, Giám đốc và Người điều hành Công ty khác được thực hiện theo quy định hiện hành.</p>	

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>c. Không hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p><b>Điều 29. Khen thưởng</b></p> <p>1. Thẩm quyền khen thưởng:</p> <p>a. HĐQT và BKS quyết định khen thưởng cho các thành viên của mình trong phạm vi thù lao được ĐHCĐ phê chuẩn và các hình thức khen thưởng khác theo quy định pháp luật.</p> <p>b. Giám đốc và Người điều hành khác: Giám đốc trình HĐQT quyết định mức khen thưởng.</p> <p>2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng quy định thông qua quy định nội bộ của HĐQT và/hoặc Tiểu ban.</p> <p>3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác.</p> <p><b>Điều 30. Xử lý vi phạm và kỷ luật</b></p> <p>1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cân trọng, miễn cưỡng và nâng cao trách nhiệm sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.</p> <p>2. Thành viên HĐQT, BKS, người điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, Có đồng hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 35. Khen thưởng, kỷ luật</b></p> <p>HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng, kỷ luật. Việc khen thưởng, kỷ luật được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 35 của Quy chế này và các quy định hiện hành.</p>	Viết lại cho ngắn gọn nội dung này.
27.		<p><b>CHƯƠNG VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH</b></p> <p><b>Điều 36. Hiệu lực thi hành</b></p>	Bổ sung nội dung theo Quy chế
28.	<p><b>CHƯƠNG IX. HIỆU LỰC THI HÀNH</b></p> <p>Điều 31. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành,</p>		



TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
	<p>HĐQT thực hiện sửa đổi, bổ sung và báo cáo ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành.</p>	<p>1. Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm 09 chương 36 điều và có hiệu lực kể từ ngày ...tháng...năm..., HĐQT thực hiện sửa đổi, bổ sung và báo cáo ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành.</p> <p>2. <u>Quy chế này thay thế Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-LĐBBĐ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2018.</u></p> <p>3. <u>Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.</u></p> <p>4. <u>Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.</u></p>	<p>QTNB mẫu TT116 và đề phù hợp với thực tế.</p>